

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,370,352,679,755	1,648,757,270,442
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18,086,128,323	294,581,518,046
1. Tiền	111		18,086,128,323	278,081,518,046
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		206,173,116	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	206,173,116	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		615,674,955,047	701,228,317,725
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	530,010,619,690	635,444,345,666
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	74,578,395,631	60,475,846,820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	11,085,939,726	5,308,125,239
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		678,166,087,081	612,818,789,833
1. Hàng tồn kho	141	V.6	723,662,030,039	658,314,732,791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(45,495,942,958)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58,219,336,188	39,909,096,010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	634,343,594	799,579,015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21,608,204,689	11,959,407,847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	251,970,546	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	35,724,817,359	26,542,101,295

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		520,922,331,580	505,117,055,193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		355,911,272,930	362,753,678,903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	291,937,102,253	303,091,877,024
<i>Nguyên giá</i>	222		514,465,109,308	511,253,604,274
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(222,528,007,055)	(208,161,727,250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	52,760,537,177	52,810,335,443
<i>Nguyên giá</i>	228		54,032,290,040	54,023,222,540
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,271,752,863)	(1,212,887,097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11,213,633,500	6,851,466,436
III. Bất động sản đầu tư	240			
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		107,491,242,690	86,155,242,690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	107,491,242,690	86,155,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		57,519,815,960	56,208,133,600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	56,322,618,320	55,010,935,960
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1,197,197,640	1,197,197,640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,891,275,011,335	2,153,874,325,635




NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		702,186,250,523	997,937,469,310
I. Nợ ngắn hạn	310		699,398,875,775	995,121,693,562
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	268,480,158,497	584,642,951,256
2. Phải trả người bán	312	V.18	188,448,897,683	152,404,923,307
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	5,037,319,292	6,157,619,827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	43,269,935,699	36,019,514,987
5. Phải trả người lao động	315	V.21	25,479,304,269	33,135,154,032
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,265,480,000	2,589,210,665
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	112,588,927,640	117,425,281,687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	20,828,852,695	28,747,037,811
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,787,374,748	2,815,775,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2,787,374,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,189,088,760,812	1,155,936,856,325
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,189,088,760,812	1,155,936,856,325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	563,981,246,167	530,829,341,680
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,891,275,011,335	2,153,874,325,635

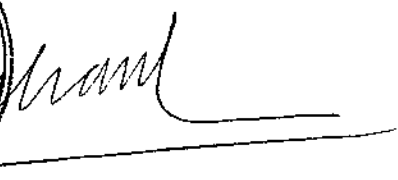
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		476,980.47	13,063,263.22
Euro (EUR)		292.89	295.39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tháp, ngày 26 tháng 04 năm 2012




Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng


Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀNĐịa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ I/2012

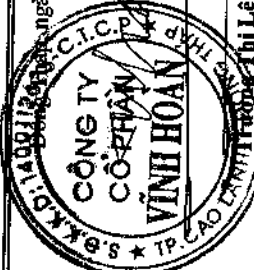
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Đơn vị tính: VND
			Năm 2012	Năm 2011	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	882,076,375,692	800,718,086,259	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM Năm 2012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	156,096,940	52,257,075	800,718,086,259
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	881,920,278,752	800,665,829,184	52,257,075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	782,581,703,168	682,140,118,430	800,665,829,184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.2	99,338,575,584	118,525,710,754	682,140,118,430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,435,278,333	35,944,864,803	118,525,710,754
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19,773,173,936	17,255,121,319	35,944,864,803
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VI.4	15,469,511,646	8,711,024,325	17,255,121,319
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41,942,121,481	42,296,098,866	8,711,024,325
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7,870,090,681	4,808,262,007	42,296,098,866
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.6	41,188,467,819	90,111,093,365	4,808,262,007
11. Thu nhập khác	31	VI.7	36,651,355	114,809,600	90,111,093,365
12. Chi phí khác	32	VI.8	795,967,361	1,491,310,833	114,809,600
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(759,316,006)	(1,376,501,233)	1,491,310,833
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	40,429,151,813	88,734,592,132	(759,316,006)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	7,277,247,326	15,972,226,584	40,429,151,813
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.20			88,734,592,132
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.20			15,972,226,584
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	33,151,904,487	72,762,365,548	72,762,365,548



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đã kiểm tra, đúng, ngày 26 tháng 04 năm 2012



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU**Mã số****Thuyết minh****Năm nay****Năm trước****I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh****1. Lợi nhuận trước thuế****2. Điều chỉnh cho các khoản:**

- Khấu hao tài sản cố định

- Các khoản dự phòng

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

- Chi phí lãi vay

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**trước thay đổi vốn lưu động**

- Tăng, giảm các khoản phải thu

- Tăng, giảm hàng tồn kho

- Tăng, giảm các khoản phải trả

- Tăng, giảm chi phí trả trước

- Tiền lãi vay đã trả

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

01

02

03

04

05

06

08

09

10

11

12

13

14

15

16

20

21

22

23

24

25

26

27

30

V.11, V.12

VI.3

VI.4

V.20

V.25

40,429,151,813

14,425,145,571

1,866,349,360

15,469,511,646

72,190,158,390

34,375,511,226

(65,347,297,248)

26,060,236,660

(1,146,446,939)

(16,339,798,108)

1,556,512,000

(12,266,521,119)

39,082,354,862

23,774,021,822

(21,336,000,000)

(1,866,349,360)

571,672,462

88,734,592,439,14

13,978,453,505,14

(11,310,766,44)

8,711,024,325,80

100,113,289,061

(1,405,727,405)

129,491,764,993

(64,907,685,410)

1,056,769,764

(8,711,024,325)

(29,147,996,014)

(3,919,402,104)

122,569,988,560

(30,964,002,648)

(32,000,000,000)

756,412,548

8,313,697,610

(53,893,892,490)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27	-	(4,171,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	187,709,831,805	359,629,906,664
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(504,296,257,756)	(98,771,024,826)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(316,586,425,951)	46,086,977,101
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(276,932,398,627)	115,363,073,171
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	294,581,518,046	111,656,276,573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		437,008,904	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	18,086,128,323	227,019,349,744

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 26 tháng 04 năm 2012

(Handwritten signature)

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/03/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	3.300.681.762	2.223.321.999
Tiền gửi ngân hàng	14.785.446.561	275.858.196.047
Các khoản tương đương tiền (*)	-	16.500.000.000
Cộng	<u>18.086.128.323</u>	<u>294.581.518.046</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	206.173.116	219.548.828
Cộng	<u>206.173.116</u>	<u>219.548.828</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	14.529.241.027	25.956.342.050
Các khách hàng nước ngoài	515.481.378.663	609.488.003.616
Cộng	<u>530.010.619.690</u>	<u>635.444.345.666</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	10.033.089.198	45.527.289.051
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	64.545.306.433	14.948.557.769
Cộng	<u>74.578.395.631</u>	<u>60.475.846.820</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	5.404.815.705	-
Phải thu khác	5.681.124.021	5.308.125.239
Cộng	<u>11.085.939.726</u>	<u>5.308.125.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	33.899.382.567	47.902.152.330
Công cụ, dụng cụ	3.153.441.992	2.929.580.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	414.329.846.257	327.069.614.956
Thành phẩm	272.197.480.717	236.007.052.525
Hàng hóa	81.878.506	63.204.912
Hàng gửi bán	-	44.343.127.444
Cộng	<u>723.662.030.039</u>	<u>658.314.732.791</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thành phẩm	45.495.942.958	45.495.942.958
Cộng	<u>45.495.942.958</u>	<u>45.495.942.958</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu kỳ	799.579.015
Tăng trong kỳ	256.138.637
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(421.374.058)
Số cuối kỳ	<u>634.343.594</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	(251.970.546)	(608.007.853)
Cộng	<u>(251.970.546)</u>	<u>(608.007.853)</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	31.432.993.359	25.042.101.295
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.291.824.000	1.500.000.000
Cộng	<u>35.724.817.359</u>	<u>26.542.101.295</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	159.316.301.847	343.139.611.735	7.943.965.222	853.725.470	511.253.604.274
Tăng trong kỳ	152.908.850	2.740.446.184	-	318.150.000	3.211.505.034
<i>Đầu tư xây dựng cơ</i>	-	-	-	-	-
<i>Mua sắm mới</i>	152.908.850	2.740.446.184	-	318.150.000	3.211.505.034
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>159.469.210.697</u>	<u>345.880.057.919</u>	<u>7.943.965.222</u>	<u>1.171.875.470</u>	<u>514.465.109.308</u>
Giá trị hao mòn					

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	34.735.684.824	1168.900.244.587	3.769.459.188	756.338.651	208.161.727.250
Khấu hao trong năm	3.066.186.959	11.027.261.112	234.035.952	38.795.782	14.366.279.805
Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối năm	37.801.871.783	179.927.505.699	4.003.495.140	795.134.433	222.528.007.055
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	124.580.617.023	174.239.367.148	4.174.506.034	97.386.819	303.091.877.024
Số cuối năm	121.667.338.914	165.952.552.220	3.940.470.082	376.741.037	291.937.102.253

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và là 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	53.482.992.750	540.229.790	54.023.222.540
Mua trong năm	9.067.500		9.067.500
Số cuối năm	53.492.060.250	540.229.790	54.032.290.040
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	716.928.747	495.958.350	1.212.887.097
Khấu hao trong năm	52.458.201	6.407.565	58.865.766
Số cuối năm	769.386.948	502.365.915	1.271.752.863
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	52.766.064.003	44.271.440	52.810.335.443
Số cuối năm	52.722.673.302	37.863.875	52.760.537.177

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	81.000.000			81.000.000
XDCB dở dang	6.770.466.436	4.362.167.064		11.132.633.500
Chi phí đào ao nuôi cá	5.211.443.396	4.083.767.064		9.295.210.460
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.559.023.040	278.400.000		1.837.423.040
Cộng	6.851.466.436	4.362.167.064	-	11.213.633.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	6.945.375	52.003.709.506	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		46.836.000.000		25.500.000.000
Cộng		107.491.242.690		86.155.242.690

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,8% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 49.300.000.000 VND, tương đương 98,6% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 25.500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 23.800.000.000 VND.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu kỳ	55.010.935.960
Tăng trong kỳ	4.160.707.930
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.849.025.570)
Số cuối kỳ	56.322.618.320

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	177.370.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	16.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	268.480.158.497	390.772.951.256
Cộng	268.480.158.497	584.642.951.256

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán có truy đòi đối với các khoản phải thu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

Số đầu năm	584.642.951.256
Số tiền vay phát sinh	187.709.831.805
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	423.633.192
Số tiền vay đã trả	<u>(504.296.257.756)</u>
Số cuối năm	<u>268.480.158.497</u>

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	181.861.505.266	146.321.780.908
Các nhà cung cấp nước ngoài	6.587.392.417	6.083.142.399
Cộng	<u>188.448.897.683</u>	<u>152.404.923.307</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	1.458.167.421	883.576.990
Các khách hàng nước ngoài	3.579.151.871	5.274.042.837
Cộng	<u>5.037.319.292</u>	<u>6.157.619.827</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	4.690.733.337	(4.691.167.045)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	1.564.430.619	(1.208.393.312)	(251.970.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.752.966.096	7.277.247.326	-	42.030.213.422
Thuế thu nhập cá nhân	1.266.115.183	1.518.677.490	(1.545.070.396)	1.239.722.277
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>35.411.507.134</u>	<u>15.054.088.772</u>	<u>(7.447.630.753)</u>	<u>43.017.965.153</u>

- (*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 03 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay		870.286.462
Chi phí khác	1.265.480.000	1.718.924.190
Cộng	<u>1.265.480.000</u>	<u>2.589.210.652</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	58.448.500	58.448.500
Kinh phí công đoàn	2.861.962.858	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.701.834.451	1.106.300.846
Các khoản phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu, phải thu khác	107.966.681.831	113.661.713.827
Cộng	<u>112.588.927.640</u>	<u>117.425.281.687</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Thu khác trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	26.307.104.789	-	(5.621.200.000)	20.685.904.789
Quỹ phúc lợi	2.439.933.025	56.512.000	(2.353.497.119)	142.947.906
Cộng	<u>28.747.037.814</u>	<u>56.512.000</u>	<u>(7.974.697.119)</u>	<u>20.828.852.695</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	2.815.775.748
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(28.401.000)
Số cuối kỳ	<u>2.787.374.748</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	530.829.341.680	1.155.936.856.325
Lợi nhuận trong kỳ				33.151.904.487	33.151.904.487
Mua lại cổ phiếu đã phát hành					
Số dư cuối kỳ	<u>471.512.730.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>563.981.246.167</u>	<u>1.189.088.760.812</u>

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I/2012	Quý I/2011
Tổng doanh thu	882.076.375.692	800.718.086.259
- Doanh thu bán hàng hóa	145.659.035.981	231.728.588.056
- Doanh thu bán thành phẩm	602.789.528.350	470.606.914.958
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.816.662.982	11.204.466.976
- Doanh thu nguyên vật liệu	1.426.444.545	1.244.074.700
- Doanh thu phế phẩm	121.384.703.834	85.934.041.569
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(156.096.940)	(52.257.075)
- Giảm giá hàng bán	(155.768.940)	(52.257.075)
- Hàng bán bị trả lại	(328.000)	
Doanh thu thuần	881.920.278.752	800.665.829.184
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	145.502.939.041	231.728.355.821
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	602.789.528.350	470.554.890.118
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	10.816.662.982	11.204.466.976
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	1.426.444.545	1.244.074.700
- Doanh thu thuần phế phẩm	121.384.703.834	85.934.041.569

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Giá vốn của hàng hóa	137.246.859.476	205.539.969.567
Giá vốn của thành phẩm	528.854.185.279	394.818.040.676
Giá vốn của nguyên vật liệu	1.385.389.811	1.632.343.554
Giá vốn của phế phẩm	115.095.268.602	80.149.764.633
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	<u>782.581.703.168</u>	<u>682.140.118.430</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	198.916.667	2.799.049.047
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	165.399.475	115.295.581
Lãi cho vay	-	3.311.731.897
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	1.667.432.693	160.435.829
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.403.529.498	24.308.352.449
Cộng	<u>11.435.278.333</u>	<u>35.944.864.803</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí lãi vay	15.469.511.646	8.711.024.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.303.662.290	8.544.096.994
Cộng	<u>19.773.173.936</u>	<u>17.255.121.319</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí nhân viên	1.605.543.100	1.149.449.531
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.146.256	36.126.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.511.094.808	21.849.327.614
Chi phí khác	13.813.337.317	19.261.194.922
Cộng	<u>41.942.121.481</u>	<u>42.296.098.866</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí nhân viên	4.377.652.955	2.535.398.987
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	395.651.731	317.548.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	712.925.656	478.799.257
Thuế, phí và lệ phí	157.771.908	145.982.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.856.000	1.088.134.852
Chi phí khác	2.217.232.431	242.398.341
Cộng	<u>7.870.090.681</u>	<u>4.808.262.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Thu nhập khác	36.651.355	114.809.600
Cộng	36.651.355	114.809.600

8. Chi phí khác

	<u>Quý I/2012</u>	<u>Quý I/2011</u>
Chi phí khác	795.967.361	1.491.310.833
Cộng	795.967.361	1.491.310.833

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Quý I/2012</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>	
Mua nguyên vật liệu	10.273.906.426
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên vật liệu	5.394.222.080

Tại ngày 31/03/2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công nợ phải thu:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.476.982.089	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan		1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	19.476.982.089	21.142.394.771
Công nợ phải trả:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.258.211.440	0
Cộng nợ phải trả	2.258.211.440	0

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	tham gia góp vốn thành lập Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý I/2012
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	120.431.119.340
Mua hàng hóa, dịch vụ	235.187.945.800
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	
Bán thành phẩm, hàng hóa	316.534.255.231
Bán hàng ủy thác xuất khẩu	69.931.093.681
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	180.963.986
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	5.051.177.401
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	10.567.459.142
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.044.209.309
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	159.004.910.520

Tại ngày 31/03/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền thu hộ	5.404.815.705	0
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	16.348.733,20 USD	20.908.215,05 USD
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	260.068,60 USD	231.596,05 USD
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu		163.276.785
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	74.211.249.702	49.942.012.524
Phải trả tiền thu hộ		1.107.980.234
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả khác	7.760 USD	7.760 USD
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Tiền mua hàng	6.577.913.602	2.692.462.513
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	20.679,21 USD	102.466,83 USD
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Tiền mua hàng	2.014.350.658	
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	5.108.593,29 USD	5.190.182,89 USD

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 04 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc